

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh thông tin cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 (đợt 18)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3706/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất ở cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB đối với 04 dự án tại Khu Đô thị Becamex A thuộc Phân khu 07, Khu Kinh tế Nhơn Hội;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị

Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội tại Tờ trình số 127/TTr-HĐBT ngày 05/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và điều chỉnh thông tin cho một số hộ dân, tổ chức bị ảnh hưởng do GPMB để thực hiện dự án Khu tái định cư - dân cư Hiệp Vinh 2 thuộc Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7) tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (đợt 18), với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp, tài sản trên đất cho một số hộ dân và tổ chức và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là **3.256.649.727 đồng** (Ba tỷ, hai trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi bảy đồng), trong đó:

- Giá trị bồi thường hỗ trợ: 3.192.793.850 đồng.
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 63.855.877 đồng.

(Chi tiết như Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)

2. Điều chỉnh thông tin của 02 hộ dân đã được phê duyệt tại Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 23/8/2022, Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

(Chi tiết như Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

* Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Công ty cổ phần Becamex Bình Định.

Điều 2. Giao Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư thực hiện 04 dự án Khu tái định cư - dân cư tại Khu Công nghiệp - Đô thị Becamex A (Phân khu 7), Khu kinh tế Nhơn Hội có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế; Trưởng ban Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh; Giám đốc Công ty cổ phần Becamex Bình Định; Chủ tịch UBND huyện Vân Canh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ dân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT TT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K6, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục số 01

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO MỘT SỐ HỘ DÂN, TỔ CHỨC BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB ĐỀ THỰC HIỆN
DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ - DÂN CƯ HIỆP VINH 2 THUỘC KHU CÔNG NGHIỆP - ĐÔ THỊ BECAMEX A (PHÂN KHU 7),
TẠI XÃ CANH VINH, HUYỆN VÂN CANH (ĐỢT 18)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4106 /QĐ-UBND ngày 07/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạn g/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	17	18=(13+..+17)	
I	Đất của hộ gia đình, cá nhân			20		44.353,2	34.830,2	9.523,0				775.535.200	2.075.023.500	10.890.000	331.345.150	3.192.793.850	
1	Nguyễn Thị Liên	Hiệp Vinh 1	1	29	14	2.032,7	1.574,0 458,7	0,0	LUK RSX	1 2	6 1	61.511.800	174.902.700	990.000	13.456.800	250.861.300	
2	Võ Duy Huệ	Hiệp Vinh 2		154	21	1.487,2	1.487,2	0,0	RSX	2	1	20.820.800	31.231.200		11.188.800	63.240.800	
3	Nguyễn Ngọc Hùng, vợ Huỳnh Thị Khương	Hiệp Vinh 2	2	355	2	16.915,4	16.580,5	334,9	CLN	1	5	381.351.500	1.144.054.500	5.940.000	105.768.600	1.637.114.600	
4	Huỳnh Văn Tánh, vợ Đỗ Thị Tám	Hiệp Vinh 1		44	12	432,9	432,9	0,0	LUK	1	6	15.151.500	45.454.500		1.948.050	62.554.050	
5	Nguyễn Hồng Thái	Hiệp Vinh 1		539	13	693,8	693,8	0,0	RSX	2	1	9.713.200	14.569.800		4.987.500	29.270.500	
6	Lê Văn Nhiều	Hiệp Vinh 2		538	13	132,1	0,0	132,1				0	0		1.872.000	1.872.000	Đất UBND xã quản lý
7	Nguyễn Thị Xuân Thu	Hiệp Vinh 1		430	13	1.692,9	220,9	1.472,0	RSX	2	1	3.092.600	4.638.900		12.169.500	19.901.000	1.472m ² là Đất UBND xã quản lý
8	Trần Thị Đăng (chết), con Trần Văn Dương ĐDKK	An Long 2	4	493	13	1.642,6	1.510,0 132,6	0,0	LUK RSX	1 2	6 1	54.706.400	161.334.600	3.960.000	9.771.300	229.772.300	
9	Nguyễn Đăng Thứ, vợ Nguyễn Thị Hồng Thu	Hiệp Vinh 2		113	21	4.911,4	615,4	4.296,0	RSX	2	1	8.615.600	12.923.400		41.294.700	62.833.700	4.296m ² là Đất UBND xã quản lý

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi do đặc năm 2017					Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị BT, HT (đồng)	Ghi chú			
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)				Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống	Bồi thường cây cối, hoa màu					
10	Nguyễn Thành Vinh, vợ Phạm Thị Hải	Hiệp Vinh 2		354	21	3.676,3	388,3	3.288,0	RSX	2	1	5.436.200	8.154.300		24.341.100	37.931.600	3.288m ² là Đất UBND xã quản lý			
11	Huỳnh Văn Trâm, vợ Nguyễn Thị Ngọc Bích	Hiệp Vinh 1		40	21	344,1	344,1	0,0	LUK	1	3	15.140.400	45.421.200		5.099.400	65.661.000				
12	Đặng Thành Liễu (chết), con Đặng Thành Nhơn ĐDKK	Hiệp Vinh 2	2	76	14	812,0	812,0	0,0	LUK	1	6	28.420.000	85.260.000	0	8.526.000	122.206.000				
13	Nguyễn Văn Sáu, vợ Nguyễn Thị Liên	Hiệp Vinh 2		488	13	3.002,9	3.002,9	0,0	RSX	2	1	42.040.600	63.060.900		29.215.200	134.316.700				
14	Lê Văn Hùng, vợ Phạm Thị Hải	Hiệp Vinh 2		55	21	436,6	436,6	0,0	LUK	1	3	19.210.400	57.631.200		1.964.700	78.806.300				
15	Nguyễn Văn Dũng, vợ Nguyễn Thị Đặng Xuân	Hiệp Vinh 2		83	20	933,4	933,4	0,0	RSX	2	1	48.199.200	72.298.800		41.384.700	161.882.700				
				129	20	2.509,4	2.509,4	0,0	RSX	2	1									
16	Nguyễn Thanh Chương	Hiệp Vinh 2		366	21	188,5	188,5	0,0	RSX	2	1	2.639.000	3.958.500		1.360.800	7.958.300				
17	Hồ Ngọc Trường, vợ Trần Thị Ngà	Tân Vinh		489	13	786,8	786,8	0,0	RSX	2	1	11.015.200	16.522.800		5.655.300	33.193.300				
18	Nguyễn Ngọc Cửu, vợ Lê Thị Ngọc Thạch	Hiệp Vinh 2		487	13	133,1	133,1	0,0	RSX	2	1	1.863.400	2.795.100		947.100	5.605.600				
19	Bùi Thị Ngọc	Hiệp Vinh 2	1	81	20	1589,1	1.160,0	0,0	ĐM	1	6	46.607.400	130.811.100	0	10.393.600	187.812.100				
							429,1		RSX									2	1	
II	Tổ chức			8		12.414,8	11.190,2	1.224,6				0	0	0	0	0				
1	UBND xã Canh Vinh	Hiệp Vinh 1		538	13	132,1	132,1	0,0												
				430	13	1.692,9	1.472,0	220,9												
				108	21	330,3	330,3	0,0												
				113	21	4.911,4	4.296,0	615,4												
				354	21	3.676,3	3.288,0	388,3												
															0					

STT	Hộ dân, tổ chức	Địa chỉ	Nhân khẩu	Thông tin theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất bị thu hồi đo đạc năm 2017				Loại đất	Vị trí	Hạng/nhóm đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ				Giá trị BT, HT (đồng)	Ghi chú
				Thửa đất số	Tờ bản đồ	Diện tích thửa đất theo hiện trạng (m ²)	Diện tích thu hồi (m ²)				Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường về đất	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống		
				525	13	210,6	210,6	0,0								
				97	21	62,0	62,0	0,0								
				433	13	1.399,2	1.399,2	0,0								
A-	Tổng giá trị BT, HT			28	0	56.768,0	46.020,4	10.747,6	0	0	0	775.535.200	2.075.023.500	10.890.000	331.345.150	3.192.793.850
B-	Chi phí phục vụ GPMB: (A*2%)														63.855.877	
C-	Tổng cộng (A+B)														3.256.649.727	

Phụ lục số 02

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN CHO 02 HỘ DÂN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI
QUYẾT ĐỊNH SỐ 2717/QĐ-UBND NGÀY 23/8/2022, QUYẾT ĐỊNH SỐ 3232/QĐ-UBND
NGÀY 04/10/2022 CỦA CHỦ TỊCH UBND TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Nội dung điều chỉnh	Thông tin đã được phê duyệt	Thông tin phê duyệt điều chỉnh
I. Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh			
1	Tên hộ dân	Lê Văn Nhiều, vợ Lê Thị Thả	Lê Văn Nhiều, vợ Nguyễn Thị Thả
II. Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh			
1	Số Quyết định	Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	Quyết định số 1265/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh